TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Điền

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị A, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam, (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1978; địa chỉ: Đài Loan, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 27/7/2017. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống với nhau khoảng 02 tuần thì anh B trở về Đài Loan đến nay không quay lại Việt Nam. Trong thời gian chung sống 02 tuần ở Việt Nam, anh B thường ghen tuông vô cớ, giữa anh chị khó giao tiếp với nhau do bất đồng ngôn ngữ nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh B muốn bảo lãnh chị sang Đài Loan để đoàn tụ nhưng chị không đồng ý do không còn tình cảm với anh B. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh B nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh

B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh B, triệu tập anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 23/12/2019, Bộ Tư pháp ban hành Văn bản số 4108/BTP-PLQT thông báo kết quả thực hiện ủy tác tư pháp cho anh B với nội dung: *"Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 1080068146 ngày 04/12/2019 của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý Cơ quan tại Công văn số 145/TTTPDS-TA ngày 05/8/2019 đối với đương sự B có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 21/11/2019 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự"*. Tuy nhiên, anh B không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A cư trú tại tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B cư trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt đối với nguyên đơn chị A và Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh B đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt và anh B không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 27/7/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn ngày 27/7/2017, anh B chung sống với chị A hai tuần thì về Đài Loan cho đến nay. Chị A xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người ở một nơi, anh B cũng không có ý kiến phản hồi, hay yêu cầu hàn gắn đoàn tụ với chị A.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và thực tế hiện nay mỗi người một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[4] Trong quá trình chung sống, chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp:

3.1 Án phí dân sự về Hôn nhân và Gia đình chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai

thu số 0010189 ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2 Lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu 200.000 đồng, chị A đã nộp 200.000 đồng, (hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0010117 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu chuyển thu lệ phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O, tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương